

CÔNG BỐ

Cách dùng, liều lượng

Ngày dùng từ 8 g đến 16 g, dạng thuốc sắc, nếu dùng hạt từ 4 g đến 6 g.

Kiểm kê

Thận âm hư, tiểu tiện nhiều lần trong ngày, đại tiện phân lỏng không dùng.

CÔNG BỐ

Laminariae Thallus

Đạm công bố

Toàn cây được làm khô của loài Tảo dẹt (*Laminaria japonica* Aresch.) hoặc *Ecklonia kurome* Okam, họ Tảo nâu hay họ Tảo (*Laminariaceae*). Thu hoạch vào mùa hè và mùa thu, vớt lấy toàn cây, phơi hoặc sấy khô.

Mô tả

Laminaria japonica: Thường cuộn kết lại với nhau thành bó. Dược liệu có màu lục nhạt, màu nâu ánh lục hoặc màu nâu đen, bên ngoài có lớp bột màu trắng. Phần gốc có dạng sợi hình trụ, mang nhiều sợi nhỏ, màu nâu đen. Sau khi ngâm trong nước, trương nở thành dải, dài 50 cm đến 150 cm, rộng 10 cm đến 40 cm, dày lên ở phần giữa, mỏng hơn và uốn lượn ở mép. Chất hơi dai. Mùi tanh của rong biển, vị mặn.

Ecklonia kurome: Thường cuộn, xoắn lại thành khối tròn không đều. Dược liệu có màu đen. Sau khi ngâm trong nước, trương nở thành dạng lá, dài và rộng từ 16 cm đến 26 cm, dày 1,6 mm; hai mặt có gân dạng chân vịt, thùy dẹt mỏng, mép có răng cưa hoặc nguyên. Chất xốp và trơn mượt.

Định tính

A. Khi ngâm trong nước sẽ trương nở, dày lên, mặt ngoài nhẵn, có dịch nhớt là chất nhầy trong suốt. Khi cuốn bằng các ngón tay, không cuộn thành nhiều lớp được (đối với *L. japonica*) hoặc có thể cuộn lại được (đối với *E. kurome*).

B. Ngâm khoảng 10 g dược liệu đã cắt thành mảnh nhỏ trong 200 ml nước trong vài giờ, lọc và cô dịch lọc đến còn khoảng 100 ml. Lấy 2 ml đến 3 ml dịch thu được, thêm 1 giọt acid nitric (TT) và vài giọt dung dịch bạc nitrat 2 % (TT), một tủa keo màu vàng được tạo thành, tủa này khó tan trong amoniac (TT) và không tan trong acid nitric (TT).

Định lượng

Cân chính xác khoảng 10 g dược liệu đã cắt thành mảnh nhỏ, cho vào chén nung, sấy ở nhiệt độ 100 °C trong 10 min, nung ở 400 °C đến 500 °C trong 40 min. Để nguội và chuyển chén nung vào một cốc có mở, thêm 100 ml nước, đun sôi khoảng 5 min và lọc. Làm như vậy đối với cân thêm 2 lần nữa, mỗi lần 100 ml nước, gộp các dịch lọc, rửa chén 3 lần, mỗi lần bằng một ít nước nóng. Gộp dịch rửa và dịch lọc, cô đến còn khoảng 80 ml. Để nguội, chuyển dịch thu được vào bình định mức 100 ml và pha loãng bằng nước đến vạch. Lấy chính xác 5 ml dịch thu được cho vào bình thủy tinh có nắp, thêm 50 ml nước và 2 giọt dung dịch

DƯỢC ĐIỂN VIỆT NAM VI

đỏ methyl (TT), thêm từng giọt dung dịch acid sulfuric loãng (TT) đến khi màu đỏ được tạo thành. Thêm 5 ml nước brom vừa mới pha (TT), đun sôi, thêm 5 ml dung dịch natri format 20 % dọc theo thành bình đựng, đun sôi trong 10 min đến 15 min. Rửa thành bình bằng nước nóng, để nguội, thêm 5 ml dung dịch acid sulfuric loãng (TT) và 5 ml dung dịch kali iodid 15 % (TT), chuẩn độ ngay bằng dung dịch natri thiosulfat 0,01 N (CD) tới khi dung dịch chuyển màu vàng nhạt, thêm 1 ml dung dịch hồ tinh bột (TT), tiếp tục chuẩn độ cho đến khi hết màu xanh.

1 ml dung dịch natri thiosulfat 0,01 N (TT) tương đương với 0,2115 mg I.

Chế phẩm phải chứa không ít hơn 0,35 % I (đối với *L. japonica*) và không ít hơn 0,20 % I (đối với *E. kurome*), tính theo dược liệu khô kiệt.

Chế biến

Ngâm vào nước 12 h cho giảm bớt vị mặn, rửa sạch, thái khúc ngắn, phơi hoặc sấy khô.

Bảo quản

Dược liệu chưa chế biến: Để nơi khô mát.

Dược liệu đã chế biến: Để trong đồ đựng kín, tránh mốc mọt.

Tính vị, quy kinh

Vị mặn, tính hàn. Vào các kinh can, vị, thận.

Công năng, chủ trị

Trừ đờm, trừ tích tụ, nhuận kết, tiêu tán hạch lạnh tính ở bấu cổ. Chủ trị: Trị tràng nhạc, bấu cổ (hạch lạnh tính); khí kết ở vùng cổ, ngực do đờm ẩm tích tụ gây ra.

Cách dùng, liều lượng

Ngày dùng 6 g đến 12 g dược liệu khô, dạng thuốc sắc.

Kiểm kê

Người hư nhiệt không có đờm kết không được dùng.

CÓT KHÍ (RỄ)

Polygoni cuspidati Radix

Rễ được làm khô của cây Cốt khí [*Reynoutria japonica* Houtt. (Syn. *Fallopia japonica* (Houtt.) R. Dec.; *Polygonum cuspidatum* Sieb. et Zucc.)], họ Rau răm (*Polygonaceae*). Thu hoạch quanh năm nhưng tốt nhất là vào mùa thu, đào lấy rễ, cắt bỏ rễ con, rửa sạch, phơi hoặc sấy khô hoặc lúc dược liệu tươi cắt thành đoạn ngắn hoặc thái phiến dày, phơi hoặc sấy khô.

Mô tả

Rễ (thường gọi là củ) hình trụ cong queo, vỏ sần sùi, nhẵn nhéo, màu nâu vàng hoặc nâu xám, có các đốt lồi lên chia củ thành từng giống. Khi cắt thành đoạn, dược liệu là những đoạn ngắn hình trụ hoặc phiến dày không đều, đoạn dài khoảng 1 - 7 cm, đường kính 0,5 - 2,5 cm. Bên ngoài màu nâu vàng, nâu hoặc nâu xám, có nhiều vết nứt dọc và vết sẹo của rễ con. Mặt cắt ngang thấy phần vỏ mỏng, phần